

NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN ĐBSCL VỚI QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

BÙI VĂN SÁU

Sau nhiều chính sách đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp như Nghị quyết 10 Bộ chính trị và một số nghị quyết khác của TW, tháng 6.1993. Hội nghị lần thứ 5 ban chấp hành TW (khóa VI) đã tổng kết, đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta qua những năm đổi mới, đề ra nhiệm vụ, biện pháp cụ thể phát triển nông nghiệp, nông thôn đến năm 2000.

Kết quả thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp đó, ĐBSCL đã giải phóng được các yếu tố sản xuất nông nghiệp như đất đai, lao động, cơ sở vật chất... đã nâng cao đáng kể đời sống nông dân và làm đổi mới bộ mặt nông thôn.

1. Những thành tích đã đạt được

a. Về nông nghiệp: sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả cao hơn hẳn các thời kỳ trước đó. Sản xuất lương thực phát triển nhanh và chắc. ĐBSCL xứng đáng giữ vị trí "vùng quan trọng nhất" về lương thực của cả nước.

Sản lượng lương thực (1.000 tấn)

Năm	Cả nước	ĐBSCL	% so cả nước
1991	21.989	10.464	47,59
1992	24.214	11.066	45,70
1993	25.501	11.201	43,92

Năng suất luôn luôn cao hơn mức bình quân chung cả nước và có tính ổn định ngay cả những năm gặp thiên tai lớn.

Năm	Cả nước	ĐBSCL
1991	3,11	3,68
1992	3,33	3,74
1993	3,48	3,69



Bình quân lương thực đầu người luôn cao hơn gấp đôi mức bình quân cả nước.

Năm	Cả nước	ĐBSCL
1991	324 kg	703 kg (217%)
1992	348 kg	727 kg (209%)
1993	359 kg	721 kg (201%)

Đặc biệt trong 7 năm qua, ĐBSCL xuất khẩu từ 1,5 - 2 triệu tấn gạo, đưa VN đứng vào hàng thứ tư các nước xuất khẩu gạo của thế giới, đó là thành tựu quan trọng mà ĐBSCL đã góp phần vào việc ổn định tình hình kinh tế xã hội đất nước.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp ĐBSCL đã chuyển dịch theo hướng tích cực:

Trồng trọt và chăn nuôi đều phát triển mạnh qua các năm. Quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi ổn định,

ít thay đổi trong cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp.

Trong cơ cấu trồng trọt, lúa vẫn là cây hàng đầu. Sản lượng lúa mỗi năm mỗi tăng là do sự gia tăng đồng thời của diện tích canh tác, mùa vụ và năng suất, tuy nhiên, chế độ đa canh đã hình thành và có xu thế phát triển mạnh. Cùng với sự chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nhiều cây công nghiệp ngắn ngày như đậu nành, bắp đã được luân canh trên đất lúa.

Hệ thống tín dụng nông thôn cùng với chương trình xóa đói giảm nghèo đã góp phần khôi phục nhiều vườn tạp, bị bỏ hoang từ chiến tranh thành vườn cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao. Trong cơ cấu chăn nuôi heo, gà, vịt, cá phát triển mạnh năm 1993 so với năm 1991, heo tăng gấp 2,16 lần, gà tăng gấp 1,42 lần.

Một số tỉnh đã biết khai thác lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên của

vùng nhiệt đới và phát triển các loại sản phẩm hàng hóa đặc sản có giá trị xuất khẩu cao như lúa thơm, bắp lai, cá basa, hột vịt muối, heo nạc.

Tổ chức khuyến nông phát triển rộng khắp: hiện nay hệ thống khuyến nông đã được tổ chức khắp cả nước, riêng ĐBSCL, tổ chức khuyến nông đã lan rộng đến tận người dân. Chính quyền các cấp đã có sự quan tâm đúng mức về tổ chức này, tạo điều kiện về kinh phí, đào tạo cán bộ, trang bị dụng cụ làm việc, đặt mối quan hệ khăng khít với hoạt động của các viện nghiên cứu, trường ĐH và cả các tổ chức nông nghiệp quốc tế. Cách làm đó đã có tác động tích cực đến nền kinh tế nông nghiệp. Đặc biệt, là đối với hộ kinh tế nông dân, vừa phổ cập được tiến bộ kỹ thuật, thông tin kinh tế đến nông dân, vừa hướng dẫn nếp sống mới ở nông thôn.

b. Về công nghiệp nông thôn:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 25

Công nghiệp chế biến nông sản phát triển đồng thời với sự phát triển và mở rộng thị trường nông sản hàng hóa. Công nghiệp chế biến nông sản ĐBSCL chiếm tỷ trọng lớn. Chủ yếu là chế biến gạo và thủy hải sản, được phân bố, phân tán dọc theo các xóm ấp ven sông, lộ, ở Sa Đéc có tụ điểm chế biến gạo xuất khẩu với trên 200 máy đánh bóng gạo của tư nhân với tổng số vốn lên tới 100 tỉ đồng.

Tổ chức công nghiệp chế biến nông sản hiện nay ở ĐBSCL khá linh hoạt với nhiều thành phần kinh tế tham gia, với các hình thức và quy mô vừa và nhỏ, trong đó gia đình là lực lượng đông đảo và năng động nhất.

Công nghiệp sau thu hoạch cũng có chuyển biến tích cực, ở ĐBSCL xuất hiện loại máy sấy lúa đại trà, góp phần nâng cao chất lượng nông sản chế biến. Các cơ sở đánh bóng, đông lạnh thủy hải sản phát triển mạnh góp phần nâng cao chất lượng và giá trị hàng nông sản chế biến xuất khẩu.

- Cơ khí máy nông nghiệp: đặc điểm nông nghiệp ĐBSCL là các cánh đồng lúa nước, việc cơ giới hóa nông nghiệp chỉ mới được thực ở các khâu làm đất, thu hoạch.

- Cơ khí chế tạo được 1 vài bộ phận rời để tăng thêm tính năng của các loại máy nhập. Như máy tuốt lúa, cơ khí trong nước cũng chỉ chế tạo được máy công tác, còn bộ phận động lực kéo vẫn phải nhập, các loại máy nông nghiệp khác như máy cày, trước đây của trạm cơ khí quốc doanh nay đã được chuyển bán cho các hộ nông dân phần lớn đã cũ kỹ và không có phụ tùng thay thế, nông dân ĐBSCL thích dùng các loại máy làm đất có công suất nhỏ, nhập từ các máy cũ của Nhật. Sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL chỉ mới được cơ giới hóa khâu làm đất, khâu tuốt lúa và một phần

khâu tưới nước. Còn các khâu khác như gieo sạ, bón phân, chăm sóc và thu hoạch đều làm bằng thủ công.

- Tiểu thủ công nghiệp (TTCN) nông thôn: Sự phát triển ngành nghề TTCN nông thôn là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển nông thôn ở ĐBSCL. Vì các ngành nghề TTCN ở nông thôn gắn liền với sản xuất nông nghiệp phát triển nông nghiệp toàn diện tạo điều kiện ổn định cuộc sống ở nông thôn và đặt cơ sở cho sự phát triển TTCN. TTCN thúc đẩy phân công lao động xã hội ở nông thôn, làm thay đổi bộ mặt xóm làng, có tác động trở lại thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Khu vực TTCN sản xuất ra nhiều sản phẩm đa dạng, từ chế tạo công cụ, thiết bị đến đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, xà lan, ô tô, các hàng tiêu dùng như dệt, may, nhuộm, gốm, sứ, VLXD, chế biến lương thực, thực phẩm. Do tính đa dạng, phong phú như vậy nên SX TTCN có khả năng to lớn và góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu nông thôn theo hướng CNH - HĐH.

Về vi mô, TTCN thường nhỏ và vừa nên rất linh hoạt, nhạy bén, thích ứng nhanh với biến động thị trường. Về vốn đầu tư, thường sử dụng vốn tự có hoặc vốn vay. Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, TTCN thuộc các thành phần kinh tế đều phải trải qua nhiều bước thăng trầm để rồi đi dần vào quỹ đạo, về hình thức tổ chức cũng đa dạng cá nhân, hộ SX gia đình, doanh nghiệp tư nhân, Cty TNHH...

c. Cơ sở hạ tầng nông thôn: Những năm gần đây, cơ sở hạ tầng nông thôn ĐBSCL như thủy lợi, các trạm trại kỹ thuật nông nghiệp đã được tăng cường về số lượng và năng lực phục vụ;

Về thủy lợi: 74,6% diện tích trồng lúa được tưới tiêu. Về quy mô,

công trình thủy lợi lớn còn ít, đa số là thủy lợi nội đồng. Lũ lụt lớn hàng năm ở ĐBSCL hiện vẫn còn là thách thức lớn đối với SX nông nghiệp và nông thôn của vùng nông thôn này. Ở tất cả các tỉnh đều có hệ thống trạm trại kỹ thuật phục vụ nông nghiệp như các trung tâm ứng dụng KHKT, các trại giống cây con (giống lúa, cây ăn quả, giống heo, gà, vịt cá) phục vụ kịp thời nhu cầu SX nông nghiệp.

2. Những tồn tại

a. Cơ cấu nông nghiệp còn mất cân đối lớn giữa trồng trọt và chăn nuôi (8/2). Trong trồng trọt thể hiện rõ nét chế độ độc canh cây lúa.

Tuy sản lượng lúa phát triển nhanh, ổn định, có sản lượng hàng hóa lớn nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng đa dạng của nền nông nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi phát triển chậm, sản xuất chưa gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ.

Nguyên nhân chủ yếu do chế độ độc canh cây lúa nên không thể khai thác tốt nhất các tiềm năng thiên nhiên vốn là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành nghề khác như thủy sản, chăn nuôi, cây ăn trái, cây công nghiệp... do đó không thể tạo thêm môi trường để thu hút số lao động nông nhân do tính thời vụ của cây lúa tạo ra, hai là còn bị động về thị trường, không đảm bảo đầu ra cho các nông sản hàng hóa đã tác động mạnh đến việc chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ĐBSCL.

b. Cơ sở hạ tầng (CSHT) nông thôn thấp kém. Cùng từ chế độ độc canh cây lúa mà các biện pháp xây dựng CSHT cũng chỉ tập trung phục vụ cây lúa. Thủy lợi là CSHT quan trọng bậc nhất ở ĐBSCL cũng chỉ nhằm phục vụ chủ yếu cho cây lúa. Các trạm trại giống cũng chỉ yếu là giống lúa.

Các trạm trại cây khác con giống ít được quan tâm, thiếu kinh phí đầu tư. Các trại giống con như heo, gà, vịt, cá... cũng tồn tại dưới hình thức đơn vị kinh doanh, do chạy theo lợi nhuận nên chất lượng sản phẩm không tốt.

- Phần lớn các xí nghiệp chế biến nông sản có công nghệ cũ kỹ lạc hậu, thiết bị chủ yếu được SX trong nước nên hao phí còn rất cao.

- Cho đến nay, ở ĐBSCL vẫn chưa có giải pháp kỹ thuật nào về bảo quản nông sản được xem là tốt được áp dụng. Vì vậy tổn thất sau thu hoạch còn là lãng phí lớn chưa khắc phục được.

c. Chính sách chưa đồng bộ, triển khai thực hiện chậm. Đất đai, theo ND 64/CP, 02/CP đã được nhà nước giao cho các tổ, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định và lâu dài...nhưng đến nay việc tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng



26 PHÁT TRIỂN KINH TẾ



đất làm còn chậm, người dân còn ngại ngùng, chưa an tâm.

Nhà nước cũng chưa có các chính sách đầu tư phát triển nâng cấp đường sá, hệ thống điện, nước tưới, tín dụng nhân dân vẫn chưa thực sự được tăng cường.

3. Những đề xuất để phát triển nông nghiệp và nông thôn ĐBSCL trong thời gian tới

a. Tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn: quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn là đòi hỏi khách quan vì cơ cấu kinh tế nông nghiệp ĐBSCL vẫn còn là thuần nông. Các yếu tố SXNN vẫn chưa được sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động nông thôn ngày càng dồi dào.

Mục tiêu đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn nhằm:

- Khai thác tốt nhất lợi thế so sánh của vùng này về điều kiện tự nhiên để phát triển nông nghiệp, thủy sản, hải sản nhằm giải quyết việc làm, tăng hiệu quả đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất văn hóa tinh thần của nông dân và nhân dân sống ở nông thôn.

- Xây dựng khu vực kinh tế nông nghiệp nông thôn có trình độ sản xuất nông sản hàng hóa phát triển mạnh, ổn định, góp phần đảm bảo an toàn lương thực quốc gia, thực hiện tích tụ và tập trung vốn để cùng cả nước thực hiện CNH - HĐH đất nước. Bố trí cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn ĐBSCL nên theo hướng;

- Giảm dần tỉ trọng giá trị lương thực trong cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp.

- Trong cơ cấu trồng trọt, tăng nhanh tỷ trọng giá trị các loại cây ăn quả đặc sản và cây công nghiệp.

- Trong cơ cấu cây lương thực, tăng nhanh tỉ trọng giá trị các loại lúa gạo có phẩm chất cao, giá trị xuất khẩu lớn.

- Trong cơ cấu giá trị nông sản xuất khẩu, tăng nhanh tỉ trọng giá trị hàng chế biến.

CNH nông thôn bao gồm CNH bản thân ngành nông nghiệp và CNH nền kinh tế nông thôn, CNH nông nghiệp, bao gồm CNH khâu sản xuất và sau sản xuất, ở khâu sản xuất, cần cơ giới hóa từ khâu làm đất đến khâu gieo trồng và thu hoạch. Khâu sau SX chú ý cơ giới hóa và hiện đại hóa khâu bảo quản và khâu chế biến mà nội dung của nó nhằm tạo ra sản phẩm tinh chế có chất lượng và giá trị cao. Trong tương quan giữa 2 khâu trên cần thúc đẩy khâu bảo quản và chế biến phát triển nhanh hơn để tạo điều kiện thu hút lao động dời ra từ nông thôn và kích thích khâu sản xuất phát triển. CNH - HĐH nông thôn là 1 quá trình với nội dung chủ yếu là đầu tư đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn, khuyến khích phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như chế biến, dịch vụ... với mục tiêu giải quyết việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập nông dân và rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, ngăn chặn nạn di dân tự phát từ nông thôn ra thành thị.

b. Nhất quán thực hiện chiến lược phát triển nền kinh tế nhiều thành phần: Lấy kinh tế quốc doanh và hợp tác xã (HTX) làm nền tảng. Phát huy vai trò kinh tế hộ, đổi mới KTHTX, khuyến khích các hình thức dịch vụ.

c. Xây dựng CSHT nông thôn: Đẩy nhanh tốc độ thực hiện QĐ99/TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 9.2.1996 về phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng ĐBSCL bằng việc khẩn trương quy hoạch, thiết lập các dự án đầu tư, và triển khai thực hiện ở từng địa phương của ĐBSCL.

d. Phát triển thị trường: cần phát huy lợi thế lớn nhất của ĐBSCL vốn là nền kinh tế sớm tiếp xúc với thị trường. Cần có những cơ chế kinh tế vĩ mô cùng với hệ thống đòn bẩy kinh tế phù hợp để hoàn thiện thị trường, mà trước hết là hệ thống tài chính và ngân hàng.

Cần quan tâm đúng mức việc bảo đảm các yếu tố đầu vào của SX thông qua hệ thống dịch vụ, cung ứng vật tư. Cũng cố các tổ chức thu mua, tiêu thụ bảo đảm có lợi cho người SX, loại trừ các hình thức lũng đoạn, đầu cơ, ép giá. Đồng thời đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Giải quyết vấn đề thị trường ở ĐBSCL nên hiểu chính bản thân nó cũng là thị trường dồi dào cũng như

đầu ra.

Tóm lại, tiêu thụ sản phẩm cho vùng ĐBSCL là vấn đề lớn chỉ có thể giải quyết thỏa đáng khi mở rộng được thị trường trong nước và đẩy mạnh XK, trong đó thương nghiệp quốc doanh có vai trò quyết định trong việc tạo ra thị trường ấy và thúc đẩy khả năng SX của toàn vùng.

e. Phát triển KT vườn: phát triển KT vườn ở ĐBSCL cũng là phát huy lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên ở vùng này. Đó là xứ sở của nhiều loại trái cây đặc sản miền nhiệt đới, toàn vùng hiện có đến 140.000 ha vườn cây ăn trái các loại chiếm 69% diện tích vườn cây ăn trái cả nước, nên có thể xem vùng này là vựa trái cây của cả nước. Nếu so sánh cùng 1 đơn vị diện tích, thu thập từ KT vườn cao hơn hàng chục lần so với lúa.

Do đó KT vườn được xem như là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp của ĐBSCL. Và do đó cần có sự tác động nhiều mặt bằng nhiều giải pháp đồng bộ từ khâu nghiên cứu, khuyến nông, bảo hiểm cây trồng, bảo vệ thực vật, bảo quản chế biến đến các chính sách về vốn, thị trường... thì mới có thể biến khả năng này thành thế mạnh, góp phần cùng các ngành khác làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn một cách tích cực.

f. Về công nghệ: Hiện tại và nhiều năm nữa, nông sản vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của nông dân ĐBSCL. Vì vậy nên:

- Tăng cường đầu tư TBKT cho nông nghiệp, ưu tiên cho công nghệ chế biến nông sản hải sản.

- Ứng dụng công nghệ sinh học tạo ra các giống lúa lai năng suất cao phẩm chất tốt.

- Nghiên cứu cải thiện chất lượng gạo nhằm gia tăng ưu thế cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Cải thiện giống heo, bò có tỷ lệ nạc cao.

- Khuyến khích cán bộ KH nghiên cứu chuyên sâu từng loại cây con.

- Nghiên cứu cách hình thức SX nông ngư kết hợp cho trước mắt và lâu dài. Thực hiện tốt các chính sách xã hội ở nông thôn; trước hết phải thực hiện có hiệu quả chương trình "xóa đói giảm nghèo" bằng cách tạo việc làm tại chỗ, thông qua các dự án nhỏ như cải tạo vườn tạp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản làm dịch vụ, SX TTCN... để tạo việc làm cho số lao động thất nghiệp, tăng thêm thu nhập cho các hộ nông dân nhất là đối với những hộ nghèo.

Cần có chính sách tín dụng để hỗ trợ vốn cho người nghèo, chú ý các hộ thuộc diện chính sách.